

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10 – 3 - 2020

V/v chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Trần Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 471/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Bảo Y, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp TL A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Minh D, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp TL A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Quách Cẩm N; cư trú tại: Ấp TL A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Lê Văn U; cư trú tại: Ấp TL A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Huỳnh Bảo Y trình bày: Theo bản án hôn nhân và gia đình số 127/2019/HNGĐ-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi đã xét xử về quan hệ hôn nhân và con chung. Còn về tài sản chung là sổ vàng 10 chỉ 24k thì tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sổ vàng này, trước đây chị và anh Lê Minh D cho bà L vay, nhưng sau đó bà Quách Cẩm N, ông Lê Văn U cố đất của bà Loan thì bà N, ông U có thỏa thuận với bà L là bà N, ông T sẽ trả thay bà L cho vợ chồng chị số vàng 10 chỉ vàng 24k.

Tại phiên hòa giải giải quyết vụ án ly hôn giữa chị với anh D, đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm thì bà N thỏa thuận, khi về nhà sẽ trả cho chị 10 chỉ vàng 24k nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận tại Tòa án, bà N, ông U không trả sổ vàng như nêu trên. Nay chị yêu cầu bà N, ông U trả 10 chỉ vàng 24k để chị với anh D chia mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$.

Bà Quách Cẩm N trình bày: Bà không có nợ sổ vàng của chị Y, sổ vàng chị Y yêu cầu là do bà L nợ chị Y. Trước đây, tại phiên hòa giải và phiên tòa giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Y và anh D bà không có hứa trả cho chị Y 10 chỉ vàng 24k.

Đối với anh Lê Minh D, ông Lê Văn U đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị Y.

Tại phiên tòa: Chị Y yêu cầu bà N, ông U trả 10 chỉ vàng 24k. Yêu cầu Tòa án xem xét công sức đóng góp của chị, anh D và nghĩa vụ nuôi con sau khi ly hôn để chia sổ vàng 10 chỉ 24k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Huỳnh Bảo Y khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản với anh Lê Minh D là vụ kiện tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh D, bà N, ông U, nhưng anh D, bà N, ông U vắng mặt tại phiên tòa không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét lời trình bày của chị Y, bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Lời trình bày của chị Y, bà N có sự mâu thuẫn, cụ thể là bà N không thừa nhận có thỏa thuận và hứa trả 10 chỉ vàng 24k như chị Y trình bày. Đối với anh D, ông U: Mặc dù đã biết được nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị Y, nhưng anh D, ông U không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có thiện chí phối hợp với Tòa án giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 127/2019/HNGĐ-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi đã có hiệu lực pháp luật, tại trang 02 phần trình bày của bà N, ông U thể hiện “Số tiền 22.000.000đ là tiền chị Y lấp hụi, còn 10 chỉ vàng 24k là chị Y cho bà L vay, khi bà

N cổ phần đất của bà L, bà N có hứa trừ lại 10 chỉ vàng 24k cho chị Y. Khi ly hôn, Ông U, bà N và chị Y tự thỏa thuận về số tiền 22.000.000đ và 10 chỉ vàng 24k, không yêu cầu Tòa án giải quyết”. Như vậy, lời trình bày của chị Y phù hợp với nội dung trình bày của bà N, ông U tại bản án số 127. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị Y là có căn cứ nên được chấp nhận, buộc bà N và ông U phải có nghĩa vụ trả cho chị Y và anh D 10 chỉ vàng 24k.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Y và anh D chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên không được Tòa án công nhận là vợ chồng. Như vậy, 10 chỉ vàng 24k thuộc hình thức sở hữu chung của chị Y và anh D. Số vàng này, chị Y và anh D có công sức đóng góp là ngang nhau nên mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ số vàng là phù hợp. Tuy nhiên, kể từ ngày chị Y, anh D ly hôn đến nay chị Y là người trực tiếp nuôi 02 người con. Trong khi đó, anh D không trực tiếp nuôi con, cũng không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Từ đó, Hội đồng xét xử có xem xét đến quyền lợi và nghĩa vụ của người cha, người mẹ và con sau khi ly hôn để quyết định giao cho chị Y được hưởng phần tài sản lớn hơn phần tài sản anh D được hưởng, cụ thể: Chị Y được hưởng 7,5 chỉ vàng 24k, anh D được hưởng 2,5 chỉ vàng 24k. Số vàng này, bà N và ông U đang nợ chị Y, anh D nên bà N, ông U phải có nghĩa vụ trả cho chị Y 7,5 chỉ vàng 24k và anh D 2,5 chỉ vàng 24k.

[5] Xét về án phí dân sự: Chị Y, anh D, bà N, ông U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 của Điều 27, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể:

Chị Y phải chịu: $(7,5 \text{ chỉ vàng } 24k \times 4.620.000đ) \times 5\% = 1.732.500đ$.

Anh D phải chịu: $(2,5 \text{ chỉ vàng } 24k \times 4.620.000đ) \times 5\% = 577.500đ$.

Bà N, ông U phải chịu: $(10 \text{ chỉ vàng } 24k \times 4.620.000đ) \times 5\% = 2.310.000đ$.

(giá vàng theo Hội mỹ nghệ kim hoàn tỉnh Cà Mau ngày 18/3/2020: 01 chỉ vàng 24k = 4.620.000đ)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 16; khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 219 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm b khoản 2 của Điều 27; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Bảo Y.

1. Chị Huỳnh Bảo Y được hưởng 7,5 (bảy phẩy năm) chỉ vàng 24k. Anh Lê Minh D được hưởng 2,5 (hai phẩy năm) chỉ vàng 24k.

2. Buộc bà Quách Cẩm N và ông Lê Văn U phải có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Bảo Y 7,5 (bảy phẩy năm) chỉ vàng 24k và anh Lê Minh D 2,5 (hai phẩy năm) chỉ vàng 24k.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Chị Huỳnh Bảo Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.732.500 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 513.000 đồng theo biên lai số 0010136 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Huỳnh Bảo Y còn phải nộp 1.219.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Anh Lê Minh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 577.500 đồng (chưa nộp).

3.3. Bà Quách Cẩm N và ông Lê Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.310.000 đồng (chưa nộp).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Thịnh

